

Bản án số: **503/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 28-12-2020
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tao

2. Bà Trần Thị Bích Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 515/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Quách Kiều N**, sinh năm 1984 - *Có đơn xin vắng mặt*;

Địa chỉ: X Đường 30/4, Khóm 6, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông **Đặng Hoàng V**, sinh năm 1987 - *Vắng mặt*;

Địa chỉ: Y, Tổ 2, Ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà Quách Kiều N là nguyên đơn trình bày:

Bà Quách Kiều N và ông Đặng Hoàng V tự nguyện kết hôn năm 2008. Hai bên có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 05/3/2008 cấp tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà cũng chung sống hạnh phúc được một vài năm đầu nhưng kể từ năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống trong việc chi tiêu tài chính, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông V lại thường đi vắng nhiều ngày, không quan tâm, chăm sóc vợ con và gia đình. Cũng từ năm 2011 vợ chồng đã sống ly thân. Nay, bà N xác định tình cảm vợ chồng đã không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà N được

ly hôn ông Đặng Hoàng V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Quách Kiều N và ông Đặng Hoàng V có 01 con chung là trẻ Đặng Thùy Bích N, sinh ngày 22/11/2005 (Nữ). Hiện đang ở với bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Đặng Thùy Bích N.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Quách Kiều N khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án đề ông Đặng Hoàng V là bị đơn đến Tòa án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Đặng Hoàng V vẫn không có mặt mà không có lý do chính đáng.

* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét vào nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 33 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/3/2008 thì bà Quách Kiều N và ông Đặng Hoàng V có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Quách Kiều N xin ly hôn ông Đặng Hoàng V. Ông V có nơi cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Quách Kiều N là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Hoàng V là bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Hoàng V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì kể từ năm 2011 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và về vấn đề tài chính. Ông V thường đi vắng nhiều ngày, không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng khi gặp nhau thì xảy ra cãi vã, từ đó hai người đã mạnh ai người đó sống, không quan tâm đến nhau nữa.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè thì “Trong quá trình sống chung tại địa chỉ số Y, tổ 2, ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh mâu thuẫn giữa bà Quách Kiều N và ông Đặng Hoàng V không đưa ra giải quyết tại cơ quan”.

Hội đồng xét xử xét:

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Quách Kiều N và ông Đặng Hoàng V đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hơn nữa, ông V mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc chứng tỏ ông V cũng không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Quách Kiều N ly hôn ông Đặng Hoàng V là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con.

Hội đồng xét xử xét:

Bà Quách Kiều N và ông Đặng Hoàng V có 01 con chung là trẻ Đặng Thùy Bích N, sinh ngày 22/11/2005. Hiện nay con chung đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Tại Biên bản ghi nhận nguyện vọng, trẻ N cũng muốn được ở với mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của trẻ em, Hội đồng xét xử giao con chung là trẻ Đặng Thùy Bích N cho bà N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung: Bà N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

Về nợ chung: Bà N xác định không có.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà N phải nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0072995 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật trẻ em;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách Kiều N được ly hôn ông Đặng Hoàng V.

-Về con chung: Giao con chung là trẻ Đặng Thùy Bích N, sinh ngày 22/11/2005 cho bà Quách Kiều N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

-Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng.

Bà Quách Kiều N có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Đặng Hoàng V đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

Về nợ chung: Bà N xác định không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà N phải nộp, được miễn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0072995 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTP, VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Long